

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP

Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 300/2026/DS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2026
V/V tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Hữu Phúc**.

2. Bà: **Đặng Thị Tiềm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thanh Thúy** - Cán bộ TAND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2026/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2026/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Ông **Phan Văn M**, sinh ngày 06/7/1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Văn M là: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh ngày 18/7/1998; địa chỉ: 1 đường L, khu phố B, phường C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là 191/22 đường L, khu phố T, phường C, tỉnh Đồng Tháp). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Văn M: Luật sư **Võ Thanh V** - Công ty L là Thành viên Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1969; (có mặt)

2/ Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1969; (vắng mặt)

3/ Bà **Phan Thị Kim H1**, sinh năm 1989; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Ấ bắc, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 29/01/2026, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Văn M có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Phía ông Phan Văn H là anh ruột của ông M, còn bà Nguyễn Thị P là chị dâu của ông M; do phía ông H và bà P cần tiền để đáo hạn nợ vay của Ngân hàng, nên vào ngày 17/3/2023 phía ông M có cho ông H và bà P vay số tiền là 600.000.000 đồng; phía bà P có viết biên nhận nợ và ký tên vào biên nhận nợ ngày 17/3/2023, phía ông H không có ký tên vào nhưng ông H cũng biết số tiền vay; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, hạn vay 01 tháng hoàn trả lại; nhưng sau khi vay tiền thì phía ông H và bà P có trả lãi được số tiền là 180.000.000 đồng, sau đó ngưng không có trả lãi tiếp; phía ông M có đòi tiền ông H và bà P nhiều lần, có hẹn trả mà không trả kéo dài cho đến nay vẫn chưa trả. Trước đây khi làm đơn khởi kiện phía nguyên đơn ông M yêu cầu phía bị đơn ông Phan Văn H, bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 17/3/2023 đến ngày 29/01/2026 là 348.600.000 đồng; nhưng tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và xin không trả lãi tiếp vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn, nên phía người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Văn M chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và yêu cầu trả một lần, phía nguyên đơn ông M có nhận được số tiền lãi là 180.000.000 đồng và do phía bị đơn tại phiên tòa hôm nay xin không trả lãi tiếp, vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên phía nguyên đơn ông M chỉ yêu cầu trả số tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi suất; đối với yêu cầu xin trả dần của bà P và bà H1 thì phía nguyên đơn không đồng ý. Phía nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn H về việc yêu cầu ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng vào ngày 17/3/2023.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Đối với số tiền vốn vay 600.000.000 đồng là trước đây con của bà Nguyễn Thị P là bà Phan Thị Kim H1 vay tiền của ông M để mua đất, chứ vợ chồng bà P không có vay tiền của ông M. Sau khi vay tiền do phía H1 làm ăn thất bại nên bỏ đi làm ăn xa, nên phía ông M mới kêu bà P viết biên nhận nợ, nên bà P mới viết biên nhận nợ. Phía bà P cũng thừa nhận biên nhận nợ ghi ngày 17/3/2023 có mượn của ông Phan Văn M số tiền là 600.000.000 đồng là do bà P viết và ký tên ghi họ tên vào biên nhận; khi bà P viết biên nhận nợ thì chồng bà P là ông Phan Văn H không biết. Nay bà P đồng ý cùng với bà Phan Thị Kim H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng là 5.000.000 đồng, xin không trả lãi tiếp vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn.

** Tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Kim H1 trình bày:* Đối với số tiền vốn vay 600.000.000 đồng là trước đây bà Phan Thị

Kim H1 vay tiền của ông M để mua đất, chứ vợ chồng ông H và bà P không có vay tiền của ông M. Sau khi vay tiền có trả được số tiền lãi là 180.000.000 đồng thì ngưng không có trả lãi tiếp và do làm ăn thất bại nên bà H1 mới bỏ đi làm ăn xa, nên phía ông M mới kêu bà P là mẹ của bà H1 viết biên nhận nợ nên bà P mới viết biên nhận nợ. Nay bà H1 cũng đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng là 5.000.000 đồng, xin không trả lãi tiếp vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn.

* Bị đơn ông Phan Văn H dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Phan Văn M phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn ông Phan Văn M và buộc bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn ông Phan Văn H. Xét thấy, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn M có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim N: yêu cầu bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất; đối với yêu cầu xin trả dần của bà P và bà H1 không đồng ý. Phía nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn H về việc yêu cầu ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng vào ngày 17/3/2023. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn ông M yêu cầu Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía người đại diện theo ủy quyền cho phía nguyên đơn ông M xác định phía bà P là người đứng vay tiền của ông M và có cùng với bà H1 làm ăn như thế nào thì ông M không rõ; khi vay tiền phía bà P có làm biên nhận ghi ngày 17/3/2023 có mượn của ông Phan Văn M số tiền là 600.000.000 đồng là do bà P viết biên nhận và ký tên ghi họ tên vào biên nhận. Sau khi vay tiền thì phía bà P không trả vốn theo đúng thỏa thuận, nên phía ông M có đòi nhiều lần nhưng bà P hèn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay. Phía nguyên đơn ông M cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho bà P vay tiền cụ thể là 01 biên nhận nợ bản gốc, bà

P có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ; tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn bà phi cũng thừa nhận biên nhận ghi ngày 17/3/2023 là do bà P viết và ký tên ghi họ tên vào biên nhận nợ và phía bị đơn bà Phan Thị Kim H1 tại phiên tòa hôm nay cũng đồng ý cùng với bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và phía người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Văn M cũng đồng ý, nên yêu cầu của phía nguyên đơn ông Phan Văn M là có căn cứ để chấp nhận và buộc phía bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay phía người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Văn M chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 trả số tiền vốn vay, không yêu cầu tính lãi suất; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[5] Đối với người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Văn M, tại phiên tòa hôm nay xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn H về việc yêu cầu ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng vào ngày 17/3/2023. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc khởi kiện đối với ông Phan Văn H về việc yêu cầu ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng vào ngày 17/3/2023. Nguyên đơn ông Phan Văn M không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M nên phía bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn M là 600.000.000 đồng, nên số tiền án phí phải chịu là 28.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Phan Văn M là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận lời đề nghị của phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Phan Văn M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà P và bà Hà C thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc khởi kiện đối với ông Phan Văn H về việc yêu cầu ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng vào ngày 17/3/2023. Nguyên đơn ông Phan Văn Ú không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu 28.000.000 đồng án phí DSST.

H2 lại cho ông Phan Văn M 20.229.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004389 ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Phan Văn M có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim N, bị đơn bà Nguyễn Thị P và bà Phan Thị Kim H1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 4-Đồng Tháp;(Đã ký)
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Sơn

